

Bản án số: 1263/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 12-07-2022.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuý Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Phủ,
2. Bà Lâm Thị Hoàng Oanh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Hải An, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Huyền, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 07 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 714/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 05 năm 2021 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 05 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 145/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 06 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **N.T.K.S.**, sinh năm 1995,

Thường trú: ấp Hoà Phụng C, xã Hoà An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Tạm trú: Nhà trọ Nguyễn Văn Năm, Trần Văn Ôn, Tổ 5 Khu phố 4, phường Phú Hoà, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Ông **L.M.P.**, sinh năm 1992,

Thường trú: Quốc lộ 13, Phường 26, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà N.T.K.S. trình bày:*

Bà và ông L.M.P. tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 26, quận Bình Thạnh ngày 22/07/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà trọ tỉnh Bình Dương. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau, ông L.M.P. nhậu nhẹt, không quan tâm đến gia đình. Ông L.M.P. đã phá tán hết tài sản của hai vợ chồng và từ tháng 04/2021, ông L.M.P. đã về sống tại nhà mẹ ruột ở địa chỉ Quốc lộ 13, Phường 26, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong suốt thời gian ly thân, bà có đề nghị hoà giải chung sống cùng nhau nhưng ông L.M.P. không đồng ý. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên bà đề nghị ly hôn ông L.M.P..

Về con chung: Có một con chung tên L.G.B., sinh ngày 08/01/2016. Bà đề nghị là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung vì bà hiện là người trực tiếp nuôi dưỡng con từ nhỏ cho đến nay. Bà yêu cầu ông L.M.P. cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 2.000.000 đồng, giao ngày 01 hàng tháng, việc giao nhận được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông L.M.P.:*

Bị đơn ông L.M.P. đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập họp lệ để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 05/05/2022 và ngày 13/05/2022 nhưng ông L.M.P. không đến làm việc và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình mặc dù ông L.M.P. là người nhận trực tiếp các văn bản tố tụng. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông L.M.P..

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh:*

Nguyên đơn bà N.T.K.S. khởi kiện yêu cầu ly hôn ông L.M.P., trú tại quận Bình Thạnh, được Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh thụ lý đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Các đương sự được nhận các văn bản tố tụng để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà N.T.K.S. ly hôn ông L.M.P., giao con chung L.G.B. cho bà N.T.K.S. trực tiếp

nuôi dưỡng, ông L.M.P. có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 2.000.000 đồng, bà N.T.K.S. và ông L.M.P. phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Xét bà N.T.K.S. khởi kiện yêu cầu ly hôn ông L.M.P. và theo kết quả trả lời Quyết định số 825/2021/QĐ-CCTLCC ngày 17/05/2021 của Toà án nhân dân quận Bình Thạnh, Công an Phường 26, quận Bình Thạnh xác định: *Ông L.M.P. có thực tế cư trú theo hộ khẩu thường trú Quốc lộ 13, Phường 26, quận Bình Thạnh* nên căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Xét bị đơn ông L.M.P. vắng mặt tại phiên toà được Tòa án triệu tập hợp lần thứ hai mà không có lý do và cũng không có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông L.M.P..

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 111/2016 ngày 22 tháng 07 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Phường 26, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của bà N.T.K.S. và ông L.M.P. là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giải thích, hòa giải, động viên bà N.T.K.S. đoàn tụ gia đình để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng bà N.T.K.S. vẫn giữ nguyên yêu cầu vì vợ chồng bà không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và ông L.M.P. cũng không quan tâm đến. Đối với bị đơn ông L.M.P., Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng cũng như để ông L.M.P. thực hiện quyền tranh tụng nhưng ông L.M.P. đã không tham gia, cũng không có bất kỳ ý kiến gì đối với khởi kiện của bà N.T.K.S. mặc dù ông L.M.P. là người trực tiếp ký nhận các văn bản

tổ tụng được tổng đạt. Điều này cho thấy ông L.M.P. đã bỏ mặc, không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa ông L.M.P. và bà N.T.K.S., không có ý định hòa giải đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổ tụng cần thiết để ông L.M.P. thực hiện quyền tranh tụng cũng như thể hiện ý chí hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông L.M.P. đã không có bất kỳ ý kiến gì, cũng không có mặt theo triệu tập. Điều này xác định quan hệ hôn nhân giữa bà N.T.K.S. và ông L.M.P. đã tồn tại mâu thuẫn, vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không còn hạnh phúc, quan hệ hôn nhân không đạt được mục đích theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình nên không thể kéo dài. Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu của bà N.T.K.S. về việc ly hôn ông L.M.P. là có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về con chung:

Theo trình bày của nguyên đơn bà N.T.K.S. tại đơn khởi kiện và tại các buổi làm việc trong quá trình giải quyết vụ án, bà N.T.K.S. và ông L.M.P. có một con chung tên L.G.B., sinh ngày 08/01/2016 ; bà N.T.K.S. yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu ông L.M.P. cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) giao nhận tại thi hành án vào ngày 01 hàng tháng vì bà N.T.K.S. đang là người trực tiếp nuôi con chung sau khi ông L.M.P. và bà N.T.K.S. ly thân từ giữa năm 2019. Căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, tình hình thực tế của trẻ L.G.B. đã và đang sống cùng mẹ là bà N.T.K.S. và để đảm bảo sự ổn định cuộc sống của trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở giao trẻ L.G.B. cho bà N.T.K.S. trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tại phiên toà, bà N.T.K.S. thừa nhận trẻ L.G.B. hiện đang học tại trường mẫu giáo Tuổi Hồng (Bình Dương) với học phí và tiền ăn trưa hàng tháng là 1.500.000 đồng, chuẩn bị vào lớp 1 năm học 2022-2023 và ông L.M.P. hiện có việc làm ổn định với mức thu nhập khoảng 15.000.000 đồng. Xét ngoài học phí và ăn trưa tại trường, trẻ L.G.B. còn có những nhu cầu thiết yếu khác để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện nên căn cứ Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận thấy mức cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng của bà N.T.K.S. là có cơ sở.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà N.T.K.S. về giao trẻ L.G.B., sinh ngày 08/01/2016, cho bà N.T.K.S. trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và ông L.M.P. có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) vào ngày 01

hàng tháng; hai bên thực hiện giao nhận tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[5] Về tài sản chung:

Không có đương sự nào yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung của bà N.T.K.S. và ông L.M.P. nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn bà N.T.K.S. phải chịu án phí giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) và bị đơn ông L.M.P. phải chịu án phí giải quyết về cấp dưỡng là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 63, Điều 147, Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà N.T.K.S. ly hôn ông L.M.P..
2. Về con chung: Có một con chung tên L.G.B., sinh ngày 08/01/2016.

2.1. Giao con chung tên L.G.B., sinh ngày 08/01/2016 cho bà N.T.K.S. trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thực hiện quyền này để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 86 Luật Hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chưa thành niên của người không trực tiếp nuôi con.

2.2. Ông L.M.P. có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung vào ngày 01 (một) hàng tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án. Hai bên tiến hành giao nhận tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa trả đủ số tiền phải thi hành án thì người phải thi hành án còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Vì lợi ích của con, một hoặc các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có đương sự nào yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm:

4.1. Án phí sơ thẩm giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) bà N.T.K.S. phải chịu, được căn trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0089684 ngày 06 tháng 05 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N.T.K.S. đã nộp đủ án phí.

4.2. Án phí sơ thẩm giải quyết về cấp dưỡng là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) ông L.M.P. phải chịu.

5. Quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh
(để thi hành);
- UBND Phường 26, Q.Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Vũ Thị Thúy Vân